

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **141/2020/DS-ST**

Ngày: 14/07/2020.

**V/v tranh chấp: hợp đồng vay
tài sản.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Bình

2. Bà Trần Thu Hồng

Thư ký phiên tòa: bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: không tham gia phiên tòa

Trong ngày 14 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2020/TLST-DS ngày 26/05/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐST-DS ngày 02/07/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

❖ Nguyên đơn: **ĐỖ THỊ THANH T** – sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

❖ Bị đơn: **NGUYỄN VĂN C** – sinh năm 1970;

TRẦN THỊ BÉ P - sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

❖ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

NGUYỄN THỊ D - sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

(Bà T, ông C có mặt, bà P, bà D xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh T trình bày: vào ngày 19/3/2017 âm lịch ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bé P có vay của bà số tiền 70.985.000 đồng, hẹn ngày 19/5/2017 âm lịch sẽ trả đủ số tiền vốn và lãi suất là 3%/tháng. Đến hẹn trả vốn và lãi bà có đến nhà để lấy tiền thì ông C, bà P nói là không có đủ khả năng trả, xin trả dần hàng tháng là 3.000.000 đồng và không đồng ý phụ lãi. Vì muốn lấy lại vốn nên bà cũng đồng ý để cho ông C, bà P trả dần. Sau đó ông C, bà P có trả cho bà đến tháng 10/2019 rồi ngưng với tổng số tiền là 47.985.000 đồng, không có trả tiền lãi. Hiện còn nợ lại số tiền 23.000.000 đồng. Biên nhận ngày 19/3/2017 âm lịch là do bà viết, ông C, bà P ký tên. Nay bà yêu cầu ông C, bà P trả lại số tiền 23.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn ông Nguyễn văn C và bà Trần Thị Bé P trình bày: Năm 2016 ông bà có vườn đất nông nghiệp 15 công làm ruộng, ông bà có đến mua vật tư nông nghiệp của bà T, năm đó do xâm nhập mặn sâu nên mất trắng không có thu hoạch được nên ông bà có trả cho bà T số tiền 70.985.000 đồng, ông bà có đến xin bà T mỗi tháng trả 3.000.000 đồng, ông bà đã trả đến tháng 10/2019 và còn nợ lại số tiền 23.000.000 đồng. Do bị xâm nhập mặn vụ 3 năm 2019 bị mất trắng và đời sống khó khăn, ông bà lớn tuổi không ai vườn làm nên ông bà có xin bà T mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, bà T không đồng ý nên khởi kiện. Nay bà T yêu cầu ông bà trả số tiền 23.000.000 đồng, ông bà cũng chấp nhận trả số tiền 23.000.000 đồng nhưng xin mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn trả theo yêu cầu của bà T, ông bà không có khả năng.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: vào năm 2015, 2016 vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bé P có mua phân thuốc trừ sâu về làm ruộng, hẹn sau 3 tháng (sau mỗi vụ sẽ trả đủ). Nhưng sau 3 tháng ông C, bà P chỉ trả 01 số còn lại hẹn tiếp mùa vụ sau sẽ trả. Sự việc cứ tiếp diễn như vậy trong vòng mấy năm, vì quen biết lâu năm nên bà cố gắng bán cho ông C, bà P vì nếu không có vật tư thì sẽ không làm lúa được. Kết quả tiền mỗi lúc mỗi tăng nhưng ông C, bà P không trả cho bà. Đến ngày 19/3/2017 âm lịch tổng kết lại ông C, bà P thiếu bà tổng cộng là 70.985.000 đồng, bà quyết định không bán nữa và buộc ông C, bà P phải trả đủ số tiền cho bà 01 lần. Ông C, bà P không có tiền trả cho bà, nên có vay của bà Đỗ Thị Thanh T số tiền là 70.985.000 đồng để trả cho bà. Ngày 19/3/2017 âm lịch bà T đã đưa cho bà đủ số tiền trên và bà đã nhận đủ nên bà không có ý kiến gì về vấn đề giao dịch tiền giữa bà T với ông C, bà P.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn Bà Đỗ Thị Thanh T yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bé P trả lại số tiền vay là 23.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C chấp nhận trả cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền 23.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Trần Thị Bé P có đơn xin xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp "hợp đồng vay tài sản".

[1] Xét bị đơn bà Trần Thị Bé P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà P, bà D

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh T là có cơ sở: vì bà T có cho ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bé P vay tiền vào ngày 19/3/2017 âm lịch, với tổng số tiền là 70.985.000 đồng, với thời hạn là đến ngày 19/5/2017 âm lịch trả vốn với lãi suất là 3%. Nhưng khi đến hạn ông C, bà P không có tiền trả nên hai bên thỏa thuận mỗi tháng ông C, bà P trả 3.000.000 đồng tiền vốn, không tính tiền lãi. Sau đó ông C, bà P có trả cho bà T đến tháng 10/2019 với tổng số tiền là 47.985.000 đồng rồi ngưng luôn cho đến nay, hiện còn nợ lại 23.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T cung cấp tờ biên nhận "giấy nhận nợ ngày 19/3/2017 AL" có chữ ký của ông C, bà P. Tại phiên tòa ông C cũng thừa nhận còn nợ bà T số tiền 23.000.000 đồng và chấp nhận trả số tiền này cho bà T. Do đó có đủ cơ sở để xác định giữa bà T và ông C, bà P đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía ông C, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên cần buộc ông C, bà P có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 23.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời gian trả: bà T yêu cầu ông C, bà P trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này ông C, bà P để kéo dài không trả cho bà T đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, nên cần buộc ông C, bà P trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Đối với ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bé P cho rằng đây là số tiền mua bán vật tư nông nghiệp và chấp nhận trả số tiền 23.000.000 đồng cho bà T nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét ý kiến này của ông C, bà P là không có cơ sở như đã phân tích ở trên, ông C, bà P không có chứng cứ gì chứng minh

đây là tiền mua bán vật tư nông nghiệp, phía bà T xác định việc ông C, bà P mua vật tư nông nghiệp là của bà Nguyễn Thị D rồi vay tiền của bà T để trả tiền cho bà D nên số tiền này là tiền vay. Do đó, ông C, bà P không còn nợ tiền vật tư nông nghiệp của bà D nữa, sự việc này được bà Nguyễn Thị D xác nhận, đồng thời theo giấy nhận nợ ngày 19/3/2017 âm lịch có chữ ký của ông C, bà P thể hiện là tiền vay chứ không phải là tiền mua bán vật tư nông nghiệp, nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản. Đối với yêu cầu trả tiền dần của ông C, bà P không được bà T chấp nhận và như đã phân tích ở trên nên ý kiến này của ông C, bà P không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bà Nguyễn Thị D xác định ông C, bà P không còn nợ tiền vật tư nông nghiệp của bà và bà không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét..

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng các Điều 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thanh T

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bé P có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị Thanh T số tiền vay là **23.000.000** đồng (hai mươi ba triệu đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Bé P phải chịu **1.150.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Đỗ Thị Thanh T **575.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0016516 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn họp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh